

CTCP TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ | (MPC- UPCOM) Báo cáo cập nhật KQKD

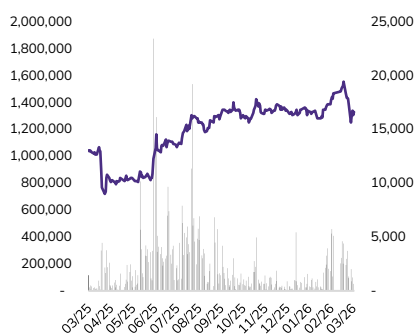
Kiều Thị Thanh Thư

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành : Thủy sản
 Ngày báo cáo : 13/03/2026
 Giá hiện tại (VND/CP) : 16.300
 Vốn hóa (Tỷ VND) : 6.538
 SLCPLH (CP) : 401.093.000

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: Fiinpro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	4Q24	4Q25
Tăng trưởng DTT (%)	21,0%	17,5%
Tăng trưởng LNST (%)	-1.791%	NA
Biên LNG (%)	3,2%	13,8%
Biên LNST (%)	-5,3%	2,9%
ROA (%)	-2,0%	5,19%
ROE (%)	-3,9%	10,7%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,67	0,86
EPS (VND/CP)	-466	329
BVPS (VND/CP)	11.832	13.049

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Triển vọng bất ổn địa chính trị ảnh hưởng xuất khẩu

- KQKD Q4/2025 doanh thu và lợi nhuận đều tăng trưởng mạnh so với mức nền thấp của năm 2024.**
 - Doanh thu thuần Q4/2025 đạt 4.588 tỷ đồng (+17,5% svck) nhờ nhu cầu tăng cao dịp lễ tết cuối năm. Doanh thu MPC trong năm 2025 tăng đều qua các quý.
 - Giá tôm nguyên liệu Q4/2025 tăng cao và khan hiếm, đồng thời giá nhập khẩu vào Mỹ giảm, khiến biên LNG giảm so với quý trước (13,8% so với 15,9%) tuy nhiên vẫn ở mức rất tốt svck. Biên LNG Q4/2024 chỉ ở mức 3,2% do công ty vẫn đang phải giải phóng hàng tồn kho giá cao. Lợi nhuận gộp Q4/2025 đạt 632,8 tỷ đồng, gấp 5 lần cùng kỳ.
 - Chi phí BH&QLDN ở mức 374 tỷ đồng (+65,6% svck) do chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác tăng 72% svck lên 306 tỷ đồng.
 - Hoạt động tài chính lỗ 50 tỷ đồng, gấp gần 5 lần cùng kỳ do lãi chênh lệch tỷ giá giảm mạnh 73% svck xuống còn 9,7 tỷ đồng, trong khi chi phí lãi vay tăng 24% svck lên 44,1 tỷ đồng, lỗ tỷ giá cũng ghi nhận 17,2 tỷ đồng (+38,7% svck).
 - Kết quả, LNST cổ đông công ty mẹ đạt 131,8 tỷ đồng (tăng mạnh 338 tỷ đồng svck). Tuy nhiên, lợi nhuận Q4/2025 ghi nhận giảm so với 2 quý trước dù doanh thu tăng trưởng do (i) biên LNG cao hơn quý 2 nhưng giảm so với quý 3; (ii) chi phí BH&QLDN ở mức cao và (iii) MPC ghi nhận thuế TNDN 1,6 tỷ trong Q2/2025 (thuế suất 1%) nhưng ghi nhận lên đến 58 tỷ thuế TNDN trong Q4/2025 (thuế suất 30,5%).
- KQKD 2025 doanh thu chỉ nhích nhẹ nhưng lợi nhuận tăng vọt, MPC lãi lớn trở lại sau 2 năm kinh doanh thua lỗ:**
 - Doanh thu thuần đạt 14.838 tỷ đồng (+0,7% svck). Năm 2025, tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 11,3 tỷ USD (+12% svck), xuất khẩu tôm đạt 4,6 tỷ USD (+19% svck). Trong đó, hai công ty con của Minh Phú là Minh Phú Seafood và Minh Phú Hậu Giang nằm trong top 3 các công ty xuất khẩu thủy sản lớn nhất năm, chiếm 4,8% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản và 11,8% tổng kim ngạch xuất khẩu tôm của Việt Nam.
 - Lợi nhuận gộp tăng mạnh 66,9% svck lên 1.918 tỷ đồng. Biên LNG tăng 5,1 điểm % lên 12,9% do MPC đã giải phóng phần lớn hàng tồn kho giá cao trong năm 2024. Hiện nay, MPC chỉ tự chủ được khoảng 10% nguồn nguyên liệu và MPC hiện theo đuổi chiến lược đồng hành cùng người dân nuôi tôm đạt tiêu chuẩn thay vì cố áp lực tăng tự chủ nguyên liệu. Do vậy, MPC vẫn sẽ phụ thuộc nhiều vào nguồn cung bên ngoài và lợi nhuận bị ảnh hưởng bởi giá tôm nguyên liệu trên thị trường.

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA MPC Q4/2025 & NĂM 2025

BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ VND)	4Q24	4Q25	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	3.903	4.588	17,5%	14.735	14.838	0,7%
Lợi nhuận gộp	124,9	632,8	406,6%	1.149	1.918	66,9%
<i>Biên lợi nhuận gộp (%)</i>	<i>3,2%</i>	<i>13,8%</i>		<i>7,8%</i>	<i>12,9%</i>	
Chi phí BH & QLDN	-225,9	-374,0	65,6%	-1.106	-1.082	-2,2%
<i>Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT</i>	<i>5,8%</i>	<i>8,2%</i>		<i>7,5%</i>	<i>7,3%</i>	
Doanh thu tài chính	36,2	11,3	-68,9%	93,6	106,0	13,3%
Chi phí tài chính	-48,1	-61,3	27,3%	-239,0	-238,9	0,0%
<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>-35,5</i>	<i>-44,1</i>	<i>24,1%</i>	<i>-143,1</i>	<i>-146,6</i>	<i>2,4%</i>
Lợi nhuận từ HĐKD	-105,9	211,0	NA	-84,5	710,3	NA
Lợi nhuận trước thuế	-123,8	190,4	NA	-130,5	648,7	NA
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	-206,2	131,8	NA	-197,0	533,5	NA
<i>Biên lợi nhuận ròng (%)</i>	<i>-5,3%</i>	<i>2,9%</i>		<i>-1,3%</i>	<i>3,6%</i>	

Nguồn: MPC, ABS Research

- ✓ Chi phí BH&QLDN ở mức 1.082 tỷ đồng (-2,2% svck). Trong đó chi phí vận chuyển, dịch vụ mua ngoài và chi phí khác giảm 5,7% svck xuống còn 717,9 tỷ đồng, chi phí vận chuyển hạ nhiệt trong năm 2025 khiến MPC được hưởng lợi.
- ✓ Hoạt động tài chính ghi nhận lỗ 132,9 tỷ đồng (-8,6% svck). MPC duy trì lỗ tài chính lớn trong vòng 4 năm trở lại đây do chi phí lãi vay cao khi dư nợ vay lớn và hàng năm MPC ghi nhận lỗ tỷ giá tương đối cao. Doanh thu hoạt động tài chính đạt 106 tỷ đồng (+13,3% svck). Trong đó, lãi tỷ giá tăng 19,5% lên 100,5 tỷ đồng; lãi tiền gửi ở mức 4,5 tỷ đồng, tương đương cùng kỳ. Chi phí tài chính ở mức 238,9 tỷ đồng, tương đương cùng kỳ. Trong đó chi phí lãi vay tăng nhẹ 2,4% svck lên 146,6 tỷ đồng; lỗ chênh lệch tỷ giá tăng 2,1% svck lên 90,9 tỷ đồng; chi phí khác ở mức 1,4 tỷ đồng (-79,3% svck).
- ✓ Lỗ khác ghi nhận 61,6 tỷ đồng (+34% svck). Minh Phú chưa thuyết minh cụ thể khoản lỗ này. Tuy nhiên 2 năm trước đây Minh Phú phát sinh khoản chi phí khác liên quan đến khấu hao tài sản không sử dụng 46,2 tỷ đồng trong năm 2023 và 33,7 tỷ đồng năm 2024.
- ✓ Kết quả, LNST cổ đông công ty mẹ năm 2025 đạt 533,5 tỷ đồng (tăng 730,5 tỷ đồng svck). Năm 2025, MPC đặt mục tiêu kinh doanh với 15.667 tỷ đồng doanh thu và 997 tỷ đồng lãi sau thuế. Với kết quả này, MPC đã hoàn thành 95% kế hoạch doanh thu và 54% kế hoạch lợi nhuận.

• Tình hình tài chính.

- ✓ Tiền và tiền gửi ngân hàng chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu tài sản và có xu hướng giảm. Lượng tiền và tiền gửi ngân hàng cuối năm 2025 ở mức 428 tỷ đồng (-19,5% sv đầu năm), chiếm 3,9% TTS. Lượng tiền giảm do dòng tiền HĐSXKD âm ròng khi các khoản phải thu, hàng tồn kho đều tăng mạnh, trong năm MPC cũng chi khoản tiền lớn mua sắm TSCĐ. Năm 2025, MPC dự kiến trả cổ tức khoảng 50%-70% lợi nhuận, tương đương tỷ suất cổ tức khoảng 6,5% - 9,3%/cổ phiếu.
- ✓ Các khoản phải thu ở mức 1.570 tỷ đồng (+3,5% sv đầu năm), chiếm 14,3% TTS. Trong đó, phần lớn là phải thu khách hàng với trị giá 1.476 tỷ đồng (+4,3% sv đầu năm). Dự phòng phải thu khó đòi ở mức 120 tỷ đồng (+2,6% sv đầu năm).
- ✓ Hàng tồn kho tăng mạnh. Giá trị HTK cuối năm 2025 ở mức 4.863 tỷ đồng (+22,3% sv đầu năm), chiếm 44,2% TTS. Trong đó, phần lớn HTK là thành phẩm, hàng hóa trị giá 3.740 tỷ đồng (+6,1% sv đầu năm); nguyên vật liệu trị giá 897,4 tỷ đồng (+344% sv đầu năm). Dự phòng giảm giá HTK ghi nhận 83,9 tỷ đồng, gấp 2 lần cùng kỳ. HTK tăng mạnh trong bối cảnh công ty còn nhiều hợp đồng tồn đọng và phải tích nguyên liệu khi nguồn tôm nguyên liệu trở nên khan hiếm. Tuy nhiên, vòng quay HTK của MPC ở mức gần 3 lần, thấp hơn nhiều so với các doanh nghiệp cùng ngành khác như Sao Ta hay Stapimex, cho thấy hiệu quả hoạt động thấp, tiềm ẩn rủi ro tồn đọng hàng lớn nếu tình hình kinh doanh không đạt như kỳ vọng.

- ✓ Tài sản dở dang dài hạn tăng mạnh. Giá trị tài sản dở dang dài hạn cuối năm 2025 ở mức 1.395 tỷ đồng (+37,8% sv đầu năm), chiếm 12,7% TTS. Các công trình xây dựng dở dang lớn bao gồm: nhà máy Khánh An (các nhà máy chế biến thủy sản Minh Phú, công suất thiết kế 19 nghìn tấn/năm; nhà máy chế biến thủy sản Minh Phát, công suất thiết kế 19 nghìn tấn/năm; và nhà máy xử lý nước thải, công suất 2.700 m3/ngày đêm) có khả năng đi vào hoạt động trong năm 2026, nâng tổng công suất chế biến của các nhà máy lên 129 nghìn tấn/năm; đường ống nước biển cho hồ nuôi tôm; hồ nuôi tôm, và quyền sử dụng đất.
- ✓ Nợ vay tăng mạnh. Tổng nợ vay cuối năm 2025 ở mức 4.629 tỷ đồng (+41% sv đầu năm), chiếm 42% tổng nguồn vốn. Tỷ lệ D/E tăng từ 0,67 lần lên 0,86 lần, vẫn ở ngưỡng an toàn.

Triển vọng và rủi ro

- Chúng tôi cho rằng triển vọng doanh thu và lợi nhuận 2026 của MPC có khả năng kém khả quan do những bất ổn chính trị và cạnh tranh gia tăng tại các thị trường xuất khẩu.
 - ✓ Cạnh tranh với tôm Ấn Độ trở nên vô cùng gay gắt tại thị trường Mỹ và EU:
 - EU và Ấn Độ đã đạt được Hiệp định thương mại tự do vào cuối tháng 1/2026, xóa bỏ phần lớn thuế quan đối với hàng nhập khẩu của Ấn Độ vào thị trường này. Theo đó, thuế hiện hành 26% của EU đối với thủy sản Ấn Độ sẽ được xóa bỏ hoàn toàn. Xuất khẩu sang EU của tôm Ấn Độ năm 2025 đã đạt 119,7 nghìn tấn (+39% svck) sau khi Ấn Độ đẩy mạnh đa dạng hóa thị trường trước sức ép thuế quan Mỹ. Với việc thuế suất đối với nhập khẩu tôm Ấn Độ vào EU giảm mạnh, lợi thế về giá của tôm Ấn Độ tại thị trường này sẽ trở nên rõ rệt, sự cạnh tranh sẽ trở nên vô cùng gay gắt.
 - Thuế đối ứng 50% của Mỹ đối với hàng nhập khẩu từ Ấn Độ cũng đã được xóa bỏ. Dù tôm Ấn Độ vẫn phải chịu mức thuế chống bán phá giá 3,76% và thuế chống trợ cấp 5,77% (Minh Phú không chịu thuế chống bán phá giá và 2,84% thuế chống trợ cấp), việc giảm thuế đối ứng của các nước về chung một mức đã giảm đáng kể chênh lệch thuế giữa Ấn Độ và Việt Nam, khiến tôm giá rẻ của Ấn Độ lại có sức cạnh tranh tại thị trường này.
 - Sức ép về giá khi sản lượng tôm tại Ấn Độ tăng. Sản lượng tôm sú tại Ấn Độ được dự báo tăng gấp đôi, đạt khoảng 120-150 nghìn tấn, trong khi sản lượng tôm thẻ chân trắng duy trì ổn định.
 - ✓ Thời tiết bất lợi cho ngành tôm trong năm 2026. Theo các chuyên gia dự báo, trong các tháng tới, ENSO nhiều khả năng chuyển dần sang trạng thái trung tính và nghiêng về pha nóng, dự báo nắng nóng xuất hiện sớm và kéo dài sẽ ảnh hưởng đến miễn dịch và sức đề kháng của tôm, gây giảm tỷ lệ nuôi thành công và ảnh hưởng đến cung nguyên liệu.
 - ✓ Chiến tranh và xung đột kéo dài tại Trung Đông có khả năng tạo áp lực lên chi phí vận chuyển. Căng thẳng tại khu vực Trung Đông đã khiến giá xăng dầu tăng vọt, đồng thời gây gián đoạn vận chuyển hàng hải quốc tế. Các hãng vận tải container lớn đã tạm dừng nhận hàng vào một số cảng vùng Vịnh, áp dụng phụ phí rủi ro chiến tranh và siết chặt nhận container lạnh. Các chi phí trực tiếp này sẽ làm tăng giá thành và thu hẹp biên lợi nhuận của các doanh nghiệp thủy sản xuất nhập khẩu như MPC.
- Chúng tôi dự phóng DTT và LNST cổ đông công ty mẹ của MPC 2026F ở mức 14.800 tỷ đồng (-0,3% svck) và 527 tỷ đồng (-1,2% svck). EPS và BVPS 2026F dự kiến đạt 1.315 đ/cp và 13.791, tương ứng P/E và P/B đạt lần lượt 12,4x và 1,2x tại mức giá hiện tại. ROE dự kiến đạt 9,8%.

PHỤ LỤC – BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ SỐ CHÍNH CỦA MPC

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	16.425	10.767	14.735	14.838
Giá vốn hàng bán	(13.665)	(9.678)	(13.587)	(12.921)
Lợi nhuận gộp	2.760	1.090	1.149	1.918
Doanh thu tài chính	221	98	94	106
Chi phí tài chính	(361)	(249)	(239)	(239)
Chi phí bán hàng	(1.352)	(736)	(796)	(766)
Chi phí QLDN	(366)	(297)	(310)	(316)
Lợi nhuận từ HĐKD	934	(57)	(84)	710
Lãi/lỗ khác	12	12,3	11,5	10,5
Lợi nhuận trước thuế	940	(96)	(130)	649
Lợi nhuận sau thuế	832	(105)	(191)	543
LNST cổ đông Công ty mẹ	823	(98)	(197)	533

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
LCT thuần từ HĐKD	576	349	1.010	(782)
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	(487)	(508)	(298)	(571)
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	262	(241)	(653)	1.255
LCT thuần trong kỳ	350	(400)	60	(98)
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	488	838	465	520
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	838	465	520	422

Chỉ số tài chính	2022	2023	2024	2025
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,66	1,58	1,45	1,43
Khả năng thanh toán nhanh	0,52	0,41	0,48	0,39
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,19	0,11	0,12	0,08
Khả năng thanh toán lãi vay	12,20	0,40	0,30	5,70
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,54	0,53	0,52	0,49
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,46	0,47	0,48	0,51
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,68	0,71	0,67	0,86
Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	30,11	39,30	30,91	35,56
Số ngày phải trả	10,45	15,36	11,71	13,31
Số ngày tồn kho	130,08	192,94	121,77	124,84
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	16,8%	10,1%	7,8%	12,9%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	5,7%	-0,5%	-0,6%	4,8%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	5,0%	-0,9%	-1,3%	3,6%
ROE	15,0%	-1,8%	-3,9%	10,7%
ROA	8,1%	-0,9%	-2,0%	5,2%
ROIC	10,8%	0,7%	0,8%	8,1%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	838	465	520	422
+ Đầu tư ngắn hạn	50	56	15	6
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	1.528	1.293	1.516	1.570
+ Hàng tồn kho	5.047	4.967	3.934	4.780
+ Tài sản ngắn hạn khác	98	109	191	607
Tài sản ngắn hạn	7.561	6.890	6.176	7.385
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản cố định	1.612	1.486	1.988	1.915
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	997	1.413	1.012	1.395
+ Đầu tư dài hạn	221	232	200	203
+ Tài sản dài hạn khác	246	187	160	116
Tài sản dài hạn	3.077	3.318	3.360	3.630

Tổng Tài sản	10.638	10.209	9.537	11.015
+ Vay ngắn hạn	3.785	3.649	3.112	4.389
+ Phải trả người bán	431	384	488	455
+ Nợ ngắn hạn khác	332	318	660	322
Nợ ngắn hạn	4.547	4.351	4.260	5.166
+ Vay dài hạn	133	238	161	240
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	173	162	203	236
Nợ dài hạn	306	401	364	475
Tổng nợ phải trả	4.853	4.751	4.624	5.641
+ Vốn cổ phần	3.999	3.999	4.009	4.011
+ Thặng dư vốn cổ phần	292	292	292	292
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.089	776	184	739
+ Quỹ khác	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	5.785	5.457	4.913	5.374
Tổng cộng nguồn vốn	10.638	10.209	9.537	11.015

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng doanh thu	21,0%	-34,4%	36,9%	0,7%
Tăng trưởng LNTT	21,3%	-110%	-36,6%	597,3%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	28,2%	-111%	NA	NA
Tăng trưởng EPS	-34,2%	111,9%	NA	NA
Tăng trưởng VCSH	99,9%	0,0%	0,3%	0,0%
Tăng trưởng Tổng tài sản	11,3%	-4,0%	-6,6%	15,5%

Định giá (lần)	2022	2023	2024	2025
P/E	8,12	(59,18)	(34,61)	12,92
P/B	1,20	1,09	1,43	1,32
EV/EBITDA	7,96	32,76	32,37	10,25
EV/Sales	0,60	0,87	0,66	0,76
EPS (đồng/cp)	2.057	(246)	(491)	1.330
BVPS (đồng/cp)	14.113	13.312	11.923	13.049

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ Công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tư hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây